TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - TP HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 660/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 22 – 4 – 2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Hiền

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Kim Ngoan

2. Bà Trần Thị Thu Hoài

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hoàng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 940/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1867/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1997
Địa chỉ thường trú: 1155/3/8 tỉnh lộ 43, khu phố A, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh
Chỗ ở hiện nay: D khu phố Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1992
Địa chỉ: 1 tỉnh lộ 43, khu phố A, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày như sau:

Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thanh T sống chung với nhau từ năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 184 ngày 22 tháng 11 năm 2018.

Sau khi sống chung bà H đã nhận thấy giữa bà và ông T có nhiều điểm bất đồng về tính cách, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân do ông T tính tình nóng nảy, gia trưởng, không quan tâm đến cảm xúc của bà H, vợ chồng ông bà mâu thuẫn về việc chăm sóc, nuôi dạy con, mâu thuẫn về kinh tế. Một phần vì sống chung với gia đình chồng nên giữa bà H và gia đình chồng cũng có xảy ra mẫu thuẫn, từ những mâu thuẫn đó lại xảy ra tranh cãi giữa bà H và ông T. Giữa hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã, không có tiếng nói chung. Bà H cảm thấy cuộc sống chung ngày càng căng thẳng, mệt mỏi, đến khoảng tháng 9 năm 2025 thì bà H dẫn bé Nguyễn Chí T1 ra ở riêng. Khi bà H nộp đơn xin ly hôn ở Tòa án bà có báo cho ông T biết nhưng ông T không quan tâm, mặc kệ bà H muốn làm gì cũng được. Đến nay, bà H không còn tình cảm gì với ông T, không muốn kéo dài cuộc hôn nhân này nữa nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Chí T2, sinh ngày 19/12/2020 và Nguyễn Chí T1, sinh ngày 11/10/2022. Hiện nay, bà H đang trực tiếp nuôi bé Nguyễn Chí T1 còn ông T đang trực tiếp nuôi bé Nguyễn Chí T2.

Bà H đang làm nhân viên văn phòng, thu thập hàng tháng khoảng 8.000.000 đồng hiện tại bà H có khả năng nuôi được một bé nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà H được nuôi con Nguyễn Chí T1 và giao con Nguyễn Chí T2 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng; Hai bên không cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về tài sản chung: Bà H xác định không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà H xác định không có nợ chung.

Ông Nguyễn Thanh T đã được Toà án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đến làm việc, Thông báo tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, tham gia các phiên toà xét xử nhưng ông T vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc và vắng mặt tại các phiên toà xét xử không có lý do.

Tại phiên toà:

Bà Nguyễn Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Ông Nguyễn Thanh T đã được Toà án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa để tham gia các phiên toà xét xử nhưng ông T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện việc cấp, tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng và tiến hành giải quyết vụ án đúng nhiệm vụ, quyền hạn, đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không

thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Đồng thời, Đại diện Viện kiểm sát nhận định yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thanh T sống chung và có đăng ký kết hôn với nhau. Nay bà H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông T, đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2025). Bị đơn ông Nguyễn Thanh T có nơi cư trú tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Về thủ tục tố tụng:

Ông Nguyễn Thanh T đã được Toà án triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thanh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thanh T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2018 và có đăng ký kết hôn. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 184 ngày 22 tháng 11 năm 2018 do Ủy ban nhân dân phường B, quận T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thanh T thì có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy rằng cuộc sống chung giữa bà H và ông T thực tế có xảy ra nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, vợ chồng ông bà đã sống ly thân. Nay bà H xác định không còn tình cảm với ông T, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài và đã nộp đơn yêu cầu được ly hôn với ông T. Ông T không quan tâm đến yêu cầu ly hôn của bà H và cũng không quan tâm đến việc hoà giải, hàn gắn gia đình. Do đó, đã có đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà H và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị H.

Về con chung: Bà H và ông T có 02 người con chung tên Nguyễn Chí T2, sinh ngày 19/12/2020 và Nguyễn Chí T1, sinh ngày 11/10/2022. Do thu nhập hiện tại của bà H chỉ đủ khả năng nuôi được một con và thực tế hiện nay, cháu Nguyễn Chí T2 đang

được ông T trực tiếp nuôi dưỡng, còn cháu Nguyễn Chí T1 đang được bà H trực tiếp nuôi dưỡng, từ khi ông T và bà H sống ly thân mỗi người nuôi 01 con thì hai bên cũng không có cấp dưỡng nuôi con qua lại cho nhau. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H về việc giao con Nguyễn Chí T1 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Nguyễn Chí T2 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: Bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà H xác định không có nợ chung nên Toà án không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung 2025);

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57 và Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 184 ngày 22 tháng 11 năm 2018 do Ủy ban nhân dân phường B, quận T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Thanh T không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Chí T2, sinh ngày 19/12/2020 cho ông Nguyễn Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng; Giao con chung tên Nguyễn Chí T1, sinh ngày 11/10/2022 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng; Hai bên không cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không

được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

- Nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà bà H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0029919 ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Do đó, bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND khu vực 2 –TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- UBND phường Tam Bình, TP.HCM
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Thu Hiền